TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22.8. 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Nhớ** và bà **Nguyễn Thị Hồng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Yên Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Tiến Bách** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 16.3.2022, về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXX-ST ngày 6.7.2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22.7.2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Võ Kim Thùy D**, sinh năm 1995; nơi ĐKHKTT: Tổ 46, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Số K83A/7 đường H, tổ 39, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Đức T**, sinh năm 1986; nơi ĐKHKTT: Tổ 46, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Số 1263 đường T, tổ 41, phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Huỳnh Đức T đăng ký kết hôn ngày 17/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng tôi không có trách nhiệm với vợ con, đam mê cờ bạc và gây ra nợ nần nên nhiều lần bỏ nhà đi. Tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chồng tôi vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi bản thân. Vì hôn nhân không hạnh phúc nên chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến

nay. Vì tôi không chịu đựng thêm được nữa, hôn nhân không thể hàn gắn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Huỳnh Đức T.

***** Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Bích T1, sinh ngày 23/01/2012 và Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 28/12/2014. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

***** Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Đức T để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông T không có mặt nên không có ý kiến trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để cho bà Võ Kim Thùy D được ly hôn với ông Huỳnh Đức T. Về con chung, giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Võ Kim Thùy D và ông Huỳnh Đức T là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Huỳnh Đức T là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, quận K, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, bà D và ông T đã phát sinh mâu thuẫn. Bà D xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T ăn chơi, cờ bạc. Mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không khắc phục được. Hội đồng

xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng của bà D, ông T thực sự đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm các thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc bà D yêu cầu ly hôn và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà D ông T đã kéo dài, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc ly hôn với ông T là phù hợp.

***** Về con chung: Ông T và bà D có 02 con chung tên Huỳnh Thị Bích T1, sinh ngày 23/01/2012 và Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 28/12/2014. Tại đơn khởi kiện, bà D yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu ông T mỗi tháng đóng góp 6.000.000đ tiền cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà D không yêu cầu khoản tiền cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông T hiện nay không biết đang ở đâu, không đến Tòa án để giải quyết việc bà D yêu cầu ly hôn trong lúc 02 con hiện nay đang ở với bà D và đều có nguyện vọng ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao 02 con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho các con chưa thành niên sinh hoạt và học tập ổn định.

Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập gải quyết.

***** Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà D phải chịu 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Kim Thùy D về việc "*Ly hôn*" đối với ông Huỳnh Đức T.

2. **Xử:**

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Kim Thùy D được ly hôn với ông Huỳnh Đức T.

* Về con chung: Giao 02 con chung là Huỳnh Thị Bích T1, sinh ngày 23/01/2012 và Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 28/12/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (18 tuổi). Ông T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, bà Võ Kim Thùy D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 2570 ngày 16.3.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND Q. Thanh Khê;*
- *Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;*
- *UBND phường Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Cường